TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2024/HS-ST
Ngày 26-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Sang.

Bà Thi Thị Thanh Trúc.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Khởi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lôi Vĩnh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2024/HSST, ngày 05 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: Lê Thành H, sinh ngày 15 tháng 9 năm 1991. Nơi sinh: Tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Định T, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966; Vợ, con chưa có.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 01. Vào ngày 23/9/2022 bị cáo H bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", bị cáo chấp hành xong vào ngày 01/9/2023, chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ ngày 25 tháng 4 năm 2024 đến ngày 04 tháng 5 năm 2024 chuyển tạm giam cho đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị cáo thứ hai: Lâm Lý A, sinh ngày 04 tháng 7 năm 1999. Nơi sinh: Tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Minh T1, sinh năm 1972 và bà Võ Kim C, sinh năm 1973; Vợ: Thạch Thị Chia C1, sinh năm 2000 và con Lâm Thị Ngọc N, sinh năm 2017.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ ngày 25 tháng 4 năm 2024 đến ngày 04 tháng 5 năm 2024 chuyển tạm giam cho đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lê Hiếu T2, sinh năm 1998.

Nơi cư trú: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1950.

Nơi cư trú: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

3/ Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

4/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

5/ Chị Huỳnh Thị Phi C2, sinh năm 2007.

Nơi cư trú: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa: Không có.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 11 giờ ngày 24/04/2024, bị cáo A và ông Lê Hiếu T2 điện thoại và tin nhắn qua ứng dụng Messenger cho bị cáo H nhờ mua ma túy đá dùm mỗi người số tiền là 500.000đồng thì H đồng ý và hẹn gặp nhau tại nhà bà Nguyễn Thị Thu B để lấy ma tuý. Do không đủ tiền mua ma túy nên H điều khiển xe mô tô hai bánh mang biển số 84B1-496.10 từ nhà chạy đến tiệm Đ thuộc phường I, thành phố T, để cầm điện thoại với số tiền 1.000.000 đồng để mua ma tuý. Có được tiền bị cáo H liên hệ người tên T3 (không rõ nhân thân và địa chỉ cụ thể) hỏi mua 02 bịch ma túy với giá tiền 1.500.000 đồng thì T3 đồng ý và hẹn giao nhận ma tuý tại đường A thuộc khóm B, phường A, thành phố T, khi mua được ma túy, Bị cáo H điều khiển xe đến nhà bà T4 Ba để đưa ma túy cho bị cáo A và ông T2. Đến nơi, bị cáo H gặp bà Huỳnh Thị G (con chị Thu B) đang ở ngoài sân nên bị cáo H đi vào nhà sau thì gặp bị cáo A, tại đây bị cáo H lấy ra 02 bịch ma túy đưa cho bị cáo Anh cất giữ 01 bịch, còn bị cáo H cất giữ 01 bịch. Lúc này, ông T2 đến thì bị cáo H kêu bị cáo A đưa bịch ma tuý lại cho bị cáo H phân ra chia thành 02 phần; 01 phần đưa cho bị cáo A, phần còn lại đưa cho ông T2. Khi nhận ma tuý ông T2 hỏi sao ít quá vậy thì bị cáo H lấy bịch ma túy của bị cáo H cho thêm ông T2 và bị cáo A mỗi người một ít nữa, nhận được ma túy ông T2 điều khiển xe đi về nhà lấy tiền trả cho bị cáo H. Lúc này, bị cáo A lấy phần ma túy của mình ra chia thành 02 tép nhỏ và còn dư lại một ít, sau khi chia ma tuý xong, bị cáo A đem cất giấu tại ngăn tủ gỗ nhà sau, bị cáo H thấy còn dư một ít ma tuý nên kêu bị cáo A lấy nấu để sử dụng thì bị cáo A

đồng ý và bị cáo A đi đến tủ gỗ lấy bộ dụng cụ sử dụng rồi cho ma túy vào dùng bật lửa nấu ma tuý, nấu xong bị cáo A sử dụng trước rồi đưa cho bị cáo H sử dụng, trong lúc sử dụng ma tuý thù ông T2 đến đưa cho bị cáo H số tiền là 410.000 đồng mà ông T2 nhờ bị cáo H mua ma túy dùm, ông T2 còn nợ số tiền 90.000 đồng. Lúc này, ông T2 nhìn thấy bị cáo H và bị cáo A đang sử dụng ma túy thì ông T2 vào sử dụng chung.

Trong lúc sử dụng ma tuý thì chị Phi C2 là (cháu ngoại chị Thu B) đi chơi về, nhìn thấy bị cáo H, bị cáo A và ông T2 đang sử dụng ma túy nên em C2 vào sử dụng chung, sử dụng một lúc ông T2 đi về, còn em C2 đi tắm. Thấy chất ma tuý trong nỏ đã hết nên bị cáo H lấy ma túy của mình cho thêm vào nỏ nấu để tiếp tục sử dụng, phần ma túy còn lại bị cáo H cho vào bao thuốc lá hiệu JET đem cất giấu ở vách lá khu vực bếp nhà bà T4 Ba. Sau khi tắm xong, em C2 đi lên thì thấy bị cáo H và bị cáo A vẫn còn sử dụng ma túy nên tiếp tục vào sử dụng cùng. Sau khi sử dụng hết chất ma tuý, bị cáo A mượn xe của bị cáo H đi lấy tiền để trả cho bị cáo H còn bị cáo H và em C2 ra võng nằm. Một lúc sau, bị cáo A quay lại nhà bà Thu B. Đến 16 giờ 10 phút ngày 24/4/2024, Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh kết hợp với Công an xã H, huyện C kiểm tra phát hiện tại vị trí bàn gỗ giáp cửa phụ nhà có 01 chai nhựa có quấn băng keo màu đen, nắp chai màu đỏ trên nắp chai có hai lổ tròn, lỗ thứ nhất có đoạn ống nhựa nối với ống thuỷ tinh xuyên từ ngoài vào trong chai, trong ống thuỷ tinh có chứa chất tinh thể dạng vết nghi là chất ma tuý, lỗ tròn thứ hai có đoạn ống nhựa xuyên từ ngoài vào trong chai; 02 bịch nylon được hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể rắn nghi là chất ma tuý; 01 đoạn ống kim loại gắn với đoạn ống nhựa dài 4,5 cm, 01 bật lửa; 01 đoạn ống thuỷ tinh được uốn cong và 03 đoạn ống nhựa được cắt nhọn một đầu trong tủ gỗ; 01 vỏ bao thuốc lá hiệu JET bên trong có 04 điếu thuốc lá, 01 miếng băng keo màu trắng và 01 túi nylon có khóa loại vuốt mép bên trong có chứa chất tinh thể rắn nghi là chất ma túy được giấu trong vách lá khu vực bếp. Đồng thời, tạm giữ của bị cáo H số tiền là 421.000 đồng, 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 xe mô tô hai bánh mang biển số 84B1 - 496.10; Lâm Lý A 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG Galaxy A10S; Huỳnh Thị Phi C2 01 điện thoại di động hiệu IPHONE X, số máy MQAY2J/A, số sê-ri F17VR4MEJCLL, IMEI 356741084427276.

Tiến hành test nhanh chất ma tuý trong cơ thể người của bị cáo H và bị cáo A, chị Phi C2 và ông T2 kết quả dương tính với Methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số: 199/KL-KTHS ngày 02/05/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận:

+ Gói 1: Tinh thể rắn chứa trong 02 bịch nylon được niêm phong ký hiệu NS4
mã số NS4 2157986 gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine; tổng khối lượng: 0,1479 gam.

+ Gói 2: Tinh thể rắn chứa trong 01 ống thủy tinh được niêm phong ký hiệu PS1 mã số PS1 2114463 gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine; dạng vết không xác định được khối lượng.

Tại bản kết luận giám định số 479/KL-KTHS ngày 16/9/2024 của Phòng Kỹ

thuật hình sự Công an tỉnh T, kết luận:

+ Tinh thể rắn chứa trong 01 túi nylon được niêm phong ký hiệu NS4 mã số NS4 2157954 gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine; tổng khối lượng: 1,3000 gam.

Tại bản cáo trạng số: 82/CT-VKS-HS, ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh truy tố các bị cáo H và bị cáo A về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo H và Anh thống nhất với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh và thống nhất với bản kết luận giám định số: 199/KL-KTHS ngày 02/05/2024 và Bản kết luận số 479/KL-KTHS ngày 16/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh T đã kết luận về chất tinh thể ma túy và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh: Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện C vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, nhân thân, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo H và bị cáo A phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" và tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*".

Về hình phạt:

Vị đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lê Thành H1 mức án từ 02 (Hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Xử phạt bị cáo Lê Thành H mức án từ 08 (tám) năm đến 09 (tám) năm tù, về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*".

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt đối với bị cáo H từ 10 (mười) năm đến 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 25/4/2024.

Vị đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lâm Lý A mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Xử phạt bị cáo Lê Thành H mức án từ 08 (tám) năm đến 09 (tám) năm tù, về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*".

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt đối với bị cáo A từ 9 (chín) năm đến 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 25/4/2024.

Ngoài ra, vị còn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng và buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng Hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa vắng mặt ông Lê Hiếu T2, bà Nguyễn Thị Thu B, bà Huỳnh Thị G và chị Huỳnh Thị Phi C2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều, tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đồng thời thống nhất với biên bản bắt người phạm tội quả tang của Công an huyện C và Công an xã H, biên bản kết luận giám định số: 199/KL-KTHS, ngày 02/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh T. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp theo quy định.

[3] Lời nhận tội của các bị cáo H và bị cáo A tại phiên tòa hôm nay cụ thể như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 24/4/2024, tại ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo H và bị cáo A đang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho ông T2 và chị Phi C2 thì bị lực lượng Công an huyện C kết hợp với Công an xã H kiểm tra phát hiện bắt quả tang. Ngoài ra, bị cáo H và bị cáo A có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, qua giám định là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng 1,4479 gam.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do cơ quan Điều tra Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh thu thập có được. Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh quyết định truy tố bị cáo H và bị cáo A về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy",* quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi vì, ma túy là chất gây nghiện ảnh hưởng đến sức khỏe của con người, ảnh hưởng đến khả năng tham gia lao động, học tập và ảnh hưởng về sự phát triển trí tuệ của người sử dụng. Không chỉ ảnh hưởng đến sự duy trì nòi giống mà còn làm cho nhiều gia

đình phải đổ vỡ hạnh phúc và còn là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác.

Bản thân các bị cáo là thanh niên có đủ sức khỏe, để tạo ra nguồn thu nhập phục vụ cho nhu cầu sống của bản thân, nhưng do các bị cáo không chí thú làm ăn mà tự đưa bản thân của các bị cáo vào con đường nghiện ngập và vi phạm pháp luật làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

[5] Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, bản thân các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, các bị cáo nhận thức được hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật.

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, đã xâm phạm chính sách thống nhất quản lý của Nhà nước về ma túy, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật. Những năm gần đây, cả nước nói chung và trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh nói riêng, tội phạm về ma túy liên tục xảy ra, gây hoang mang, bức xúc trong cuộc sống, sinh hoạt thường ngày của nhân dân, tạo ra nỗi lo sợ cho xã hội. Để góp phần ổn định tình hình trật tự cho địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần xử các bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để các bị cáo có thời gian sửa chữa, trở thành người có ích cho xã hội, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để tạo điều kiện cho các bị cáo cải tạo, giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[7]Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử cũng đã xem xét xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo như:

Bị cáo H có tình tiết tăng nặng: Tái phạm. Tình tiết giảm nhẹ: Gia đình bị cáo H có công với cách mạng và sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo A có tình tiết giảm nhẹ sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Đối với người có tên T3 đã bán ma túy cho bị cáo H. Qua điều tra, bị cáo H khai không rõ nhân thân và địa chỉ cụ thể của tên T3 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không mời tên T3 làm việc được, khi nào làm việc được xử lý sau.

[9] Đối với người tên V đã đem bộ dụng cụ để sử dụng ma tuý đến nhà bà T4 Ba cất vào tủ gỗ, sau đó bị cáo A lấy bộ dụng cụ này để tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý. Do bị cáo A và chị Phi C2 không cung cấp được thông tin, địa chỉ liên quan đến tên V nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thể tiến xác minh làm rõ được, khi điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[10] Đối với ông T2 có nhờ bị cáo H mua dùm ma túy với số tiền là 500.000 đồng. Sau khi nhận được ma tuý, ông T2 đã sử dụng hết phần ma túy, do không

thu giữ được chất ma tuý nên không xác định được khối lượng ma tuý là bao nhiêu do đó không đủ cơ sở kết luận ông T2 phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy được quy định tại điều 249 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, việc sử dụng chất ma túy cùng với bị cáo H, bị cáo A và chị C2 thì ông T2 không có hành vi giúp sức, cung cấp dụng cụ, hùn tiền và chất ma túy cho việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, do đó hành vi của ông T2 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Cơ quan Cảnh sát điều tra đề nghị Trưởng Công an huyện C ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý.

[11] Đối với chị Phi C2 không có hành vi giúp sức, cung cấp dụng cụ, hùn tiền và chất ma túy cho việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, do đó hành vi của chị Phi C2 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm và bị Công an huyện C ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý.

Đối với bà Thu B và bà G là chủ nhà, việc bị cáo H và bị cáo A có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy và Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thì bà T4 Ba và bà G hoàn toàn không biết nên không ra vấn đề xử lý.

Đối với xe mô tô hai bánh mang biển số 84B1-496.10 của bà L (mẹ ruột bị cáo Lê Thành H), việc bị cáo H sử dụng chiếc xe làm phương tiện đi mua ma túy thì bà L hoàn toàn không biết nên không ra vấn đề xử lý.

Đối với ông H2 người cầm điện thoại của bị cáo H, việc bị cáo H sử dụng số tiền cầm điện thoại có được là 1.000.000 đồng để mua ma túy thì ông H2 không biết nên không ra vấn đề xử lý.

Về vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 (Một) túi niêm phong, ký hiệu 199/2024/M1 và 199/2024/M2 ghi ngày 03/5/2024.

- 01 (Một) túi niêm phong, ký hiệu 479/2024/M ghi ngày 16/9/2024.

- 01 (Một) đoạn ống kim loại gắn với đoạn ống nhựa dài 4,5 cm; 01 (Một) bật lửa; 01 (Một) đoạn ống thuỷ tinh được uốn cong; 03 (ba) đoạn ống nhựa được cắt nhọn một đầu; 01 (Một) vỏ bao thuốc lá hiệu JET bên trong có 04 điếu thuốc lá. 01(Một) miếng băng keo màu trắng.

T5 trả: Trả lại cho bị cáo Lê Thành H: 01 (Một) căn cước công dân mang tên Lê Thành H; 01 (Một) giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Lê Thành H.

Tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước gồm:

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG, tên thiết bị Galaxy A10S, kiểu máy SM-A107F/DS, số sê-ri R9AMC27GE1J, IMEI (khe 1) 353420114004883, IMEI (khe 2) 353421114004881; 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG, tên sản phẩm Galaxy A04, tên thiết bị SM-A045F/DS, số sê-ri R92W601J5DW, IMEI (khe 1) 353263217504049, IMEI (khe 2) 359377377504047 và Số tiền 421.000đồng *(Bốn trăm hai mươi mốt nghìn đồng)* (hiện đã chuyển vào số tài khoản 3949.0.9050456.00000 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh).

Do đó ý kiến đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hình phạt đối với các bị cáo là nặng nên Hội đồng xét xử xem xét lại cho phù hợp, xét đề nghị của Vị kiểm sát viên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo H và bị cáo A phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 327, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thành H và bị cáo Lâm Lý A phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy"* và tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*".

- Xử phạt bị cáo Lê Thành H 01 (một) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 07 (bảy) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Căn cứ vào Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt cho bị cáo Lê Thành H là 08 (T6) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/4/2024

- Xử phạt bị cáo Lâm Lý A 01 (một) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 07 (bảy) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Căn cứ vào Điều 55 Bộ luật Hình sự ttổng hợp hình phạt cho bị cáo Lâm Lý A là 08 (T6) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/4/2024

2. Về vật chứng: Căn cứ các Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 (Một) túi niêm phong, ký hiệu 199/2024/M1 và 199/2024/M2 ghi ngày 03/5/2024.

- 01 (Một) túi niêm phong, ký hiệu 479/2024/M ghi ngày 16/9/2024.

- 01 (Một) đoạn ống kim loại gắn với đoạn ống nhựa dài 4,5 cm; 01 (Một) bật lửa; 01 (Một) đoạn ống thuỷ tinh được uốn cong; 03 (ba) đoạn ống nhựa được cắt nhọn một đầu; 01 (Một) vỏ bao thuốc lá hiệu JET bên trong có 04 điếu thuốc lá. 01(Một) miếng băng keo màu trắng.

Tuyên trả lại: cho bị cáo Lê Thành H: 01 (Một) căn cước công dân mang tên Lê Thành H; 01 (Một) giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Lê Thành H

Tịch thu vào ngân sách Nhà nước gồm:

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG, tên thiết bị Galaxy A10S, kiểu máy SM-A107F/DS, số sê-ri R9AMC27GE1J, IMEI (khe 1) 353420114004883, IMEI (khe 2) 353421114004881; 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG, tên sản phẩm Galaxy A04, tên thiết bị SM-A045F/DS, số sê-ri R92W601J5DW, IMEI (khe 1) 353263217504049, IMEI (khe 2) 359377377504047 và Số tiền 421.000đồng *(Bốn trăm hai mươi mốt nghìn đồng)* (hiện đã chuyển vào số tài khoản 3949.0.9050456.00000 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Buộc các bị cáo Lê Thành H và bị cáo Lâm Lý A mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho các bị cáo và đương sự có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày án sơ thẩm tuyên.

Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Các Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Liên